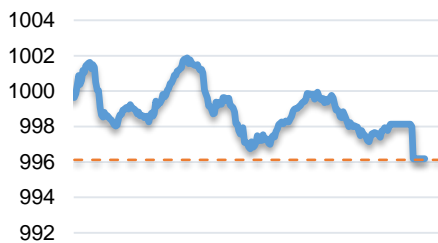


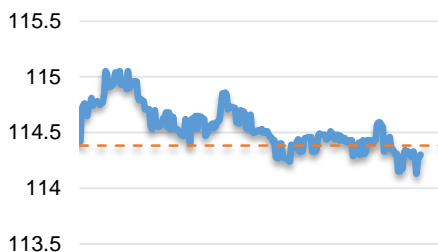
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	996.19	114.30	53.70
% ngày	0.01	(0.07)	0.05
% tuần	(2.22)	(0.61)	(0.94)
% tháng	2.82	2.32	5.29
% năm	23.14	5.10	(0.81)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	4,125	697	291
Hôm qua	4,428	850	387
TB 1 tháng	4,215	685	378
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	285.58	19.24	19.46
Bán	409.98	16.65	6.04
Giá trị ròng	(124.40)	2.59	13.42
Độ rộng TT			
Mã Tăng	118	81	70
Mã Giảm	155	57	69
Không Đổi	80	246	595
Chỉ số chính			
P/E	18.1x	10.6x	10.1x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,197	204	1,007
LS Cổ tức	2.03	2.09	4.41

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Châu Á có sự phân hóa khá rõ khi toàn bộ những thị trường đều giảm điểm và duy chỉ có thị trường Trung Quốc giảm mạnh trong phiên 08/10/2018 thì trong phiên hôm nay đã có sự phục hồi nhẹ. Chỉ số VN-Index giao dịch xanh ở toàn thời gian tuy nhiên vào phiên ATC có sự sụt giảm nhẹ đẩy chỉ số về sát mức tham chiếu 996.19 điểm; chỉ số HNX-Index chịu ảnh hưởng bởi mã VCG đã giảm 0.07% xuống 114.30 điểm và chỉ số Upcom-Index hồi phục 0.05% chốt ở mức 53.7 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức thấp hơn so với trung bình là hơn 7,000 tỷ đồng, tổng giá trị giao dịch trong phiên chỉ khoảng 5,100 tỷ.

Dòng dầu khí quay trở lại giúp thị trường trở nên sôi động hơn. Các cổ phiếu như GAS, PVS, PVD, PVB, PLX, OIL đều đóng cửa trong sắc xanh tăng điểm, thậm chí GAS, PVS, PVD đóng cửa gần mức giá cao nhất phiên. Các cổ phiếu ngân hàng cũng giao dịch tích cực hơn trong những phút cuối với TCB, TPB, BID, VCB tăng điểm. Ở nhóm Bluechips, MWG, PNJ, VJC cũng tăng điểm khá tốt giúp thị trường giữ được sắc xanh.

Chiều ngược lại, sắc đỏ cũng bao trùm lên nhiều cổ phiếu lớn như MSN, NTP, MBB, VNM, VCG... Trong đó, VCG bất ngờ giảm 4.6%, MBB cũng giảm sâu 2.9%, STB giảm 2.2%.

Các nhà đầu tư ngoại giao dịch tương đối hạn chế trong phiên, tuy nhiên vẫn có lượng tiền bị rút ròng ra khỏi thị trường khoảng 100 tỷ đồng. Những mã bị bán ròng nhiều nhất trong phiên tập trung trên sàn HSX như VNM, VIC, AAA, HPG, HDB. Riêng đối với sàn HNX thì mã ABC cũng bị khối ngoại bán ròng hơn 10 tỷ đồng.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục trong phiên giao dịch 10/10/2018 và dòng tiền sẽ có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu. Đồng thời, các chỉ số chính và nhiều cổ phiếu cũng đang rơi vào trạng thái quá bán ngắn hạn cho nên thị trường có thể sẽ xuất hiện nhịp hồi phục kỹ thuật và bước vào giai đoạn tích lũy. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm mạnh về mức cân bằng cho nên các nhà đầu tư ngắn hạn nên tiếp tục cơ cấu danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự 1020.1 điểm và mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức cản 113.87 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn không nên bán tháo ở nhịp giảm trong phiên và tận dụng nhịp hồi phục để cơ cấu lại danh mục về mức cân bằng theo tỷ lệ khuyến nghị. Đồng thời, các nhà đầu tư ngắn hạn cũng chưa nên vội mở lại vị thế mua mới.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 52% cổ phiếu/48% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	1,000	1,044	955	890
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	TĂNG	120.5	126.5	110.5	103.5



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.40	GIẢM	GIẢM		17.72				19.57		
ACB	33.70	TĂNG	GIẢM	30.96	33.02	8.85%			36.35		
ACV	83.00	GIẢM	GIẢM		88.11				93.16		
ANV	23.15	TĂNG	TĂNG	18.90	22.16	22.49%		21.45	17.58	7.93%	
ASM	12.10	GIẢM	GIẢM		12.94				14.14		
BFC	27.20	TĂNG	GIẢM	27.90	26.53	-2.51%			28.92		
BHN	90.00	TĂNG	GIẢM	83.60	86.94	7.66%			101.13		
BID	36.10	TĂNG	TĂNG	25.80	34.62	39.92%		33.40	29.25	8.08%	
BMP	66.60	TĂNG	TĂNG	56.20	64.71	18.51%		63.50	54.39	4.88%	
BSR	18.80	GIẢM	TĂNG		20.87			20.00	16.00	-6.00%	
BVH	92.60	TĂNG	TĂNG	95.70	92.25	-3.24%		86.00	80.75	7.67%	
BWE	19.85	TĂNG	TĂNG	17.70	19.06	12.15%		20.00	16.82	-0.75%	
CEO	13.60	TĂNG	GIẢM	13.40	13.33	1.49%			14.91		
CHP	22.70	GIẢM	TĂNG		22.90			23.50	22.03	-3.40%	
CSM	16.05	TĂNG	TĂNG	14.25	15.44	12.63%		14.39	12.89	11.53%	
CTD	165.80	TĂNG	TĂNG	149.50	162.27	10.90%		161.20	147.10	2.85%	
CTG	26.70	TĂNG	TĂNG	24.00	26.63	11.25%		28.10	23.56	-4.98%	
CTI	25.60	GIẢM	GIẢM		27.01				30.15		
CVT	26.70	GIẢM	GIẢM		28.46				29.20		
DCM	10.55	GIẢM	TĂNG		11.24			11.00	9.69	-4.09%	
DGW	26.85	TĂNG	TĂNG	23.90	26.01	12.34%		27.50	23.62	-2.36%	
DHA	29.10	TĂNG	TĂNG	28.20	28.47	3.19%		29.10	26.03	0.00%	
DHC	40.60	GIẢM	TĂNG		43.95			44.60	37.27	-8.97%	
DHG	91.50	GIẢM	GIẢM		98.19				104.17		
DPG	51.00	TĂNG	TĂNG	40.90	49.96	24.69%		52.00	42.36	-1.92%	
DPM	18.50	GIẢM	TĂNG		19.52			19.40	16.88	-4.64%	
DPR	38.70	TĂNG	GIẢM	37.50	38.07	3.20%			38.96		
DQC	29.55	TĂNG	GIẢM	29.55	27.98	0.00%			30.33		
DRC	25.80	GIẢM	TĂNG		27.48			24.30	23.85	6.17%	
DXG	28.85	GIẢM	TĂNG		29.83			29.80	25.06	-3.19%	
ELC	8.96	GIẢM	GIẢM		9.44				10.45		
FCN	16.75	TĂNG	TĂNG	16.45	16.12	1.82%		17.70	14.30	-5.37%	
FIT	4.03	GIẢM	GIẢM		4.26				4.98		
FMC	27.80	TĂNG	TĂNG	21.20	26.85	31.13%		24.70	23.41	12.55%	
FPT	44.70	GIẢM	TĂNG	44.55	44.96	0.93%	BÁN	45.90	41.71	-2.61%	
GAS	119.30	GIẢM	TĂNG		123.88			103.00	98.97	15.83%	
GEX	28.25	TĂNG	TĂNG	29.50	28.18	-4.24%		30.10	25.97	-6.15%	
GIL	38.75	GIẢM	TĂNG		39.64			34.90	34.85	11.03%	



We Create Fortune

GMD	28.15	TĂNG	TĂNG	25.40	27.06	10.83%		27.30	23.81	3.11%	
GTN	11.85	TĂNG	TĂNG	11.25	11.39	5.33%		11.20	9.83	5.80%	
HAG	5.65	GIẢM	GIẢM		6.18			6.19	5.86	-5.37%	
HAX	17.25	GIẢM	TĂNG		19.18			18.50	15.20	-6.76%	
HBC	23.95	TĂNG	GIẢM	23.80	23.89	0.63%			26.74		
HDB	37.70	GIẢM	GIẢM		38.94				42.32		
HNG	16.10	GIẢM	TĂNG		17.12			8.20	14.25	96.34%	
HPG	41.00	GIẢM	GIẢM	37.20	41.01	10.24%	BÁN		42.50		
HSG	13.15	TĂNG	TĂNG	11.35	12.01	15.86%			13.04		
HT1	15.85	TĂNG	TĂNG	11.75	14.72	34.89%		13.00	12.40	21.92%	
HUT	5.80	TĂNG	GIẢM	5.80	5.58	0.00%			6.47		
HVN	38.50	GIẢM	TĂNG		40.98			39.20	33.74	-1.79%	
ITD	12.90	TĂNG	TĂNG	12.90	12.42	0.00%		12.40	11.14	4.03%	
KBC	13.30	TĂNG	TĂNG	12.40	12.82	7.26%		13.45	13.24	-1.12%	MUA
KDH	34.40	TĂNG	TĂNG	30.30	33.14	13.53%		33.40	30.00	2.99%	
KSB	33.35	GIẢM	TĂNG	33.00	33.54	1.64%	BÁN	34.20	28.33	-2.49%	
LCG	9.35	TĂNG	TĂNG	9.46	9.12	-1.16%		9.39	8.38	-0.43%	
LDG	18.10	TĂNG	TĂNG	15.00	17.47	20.67%		16.50	13.59	9.70%	
LIX	50.00	TĂNG	TĂNG	41.20	47.00	21.36%		44.40	44.31	12.61%	
LPB	10.20	TĂNG	GIẢM	9.50	10.01	7.37%			10.88		
LSS	8.20	TĂNG	TĂNG	7.22	7.36	13.57%		7.89	7.75	3.93%	MUA
MSN	88.00	GIẢM	TĂNG		94.07			90.60	81.25	-2.87%	
MWG	129.50	TĂNG	TĂNG	122.00	124.93	6.15%		121.00	112.55	7.02%	
NKG	14.50	TĂNG	GIẢM	13.70	14.40	5.84%			15.54		
NLG	32.80	TĂNG	TĂNG	31.75	31.26	3.31%		32.40	28.28	1.23%	
NT2	26.40	TĂNG	GIẢM	25.74	25.61	2.57%			27.15		
NTL	9.80	TĂNG	TĂNG	10.35	9.72	-5.31%		10.45	9.11	-6.22%	
NTP	49.00	GIẢM	TĂNG		52.32			51.50	43.27	-4.85%	
PAC	46.20	TĂNG	TĂNG	40.20	44.53	14.93%		44.10	39.70	4.76%	
PC1	26.50	GIẢM	TĂNG		28.45			28.50	24.73	-7.02%	
PDR	26.75	GIẢM	GIẢM		27.62				28.77		
PGC	14.85	TĂNG	GIẢM	14.35	14.36	3.48%			15.41		
PHR	28.50	TĂNG	TĂNG	21.90	26.94	30.14%		24.00	23.40	18.75%	
PLX	67.10	GIẢM	TĂNG		71.05			68.00	62.92	-1.32%	
PNJ	108.60	TĂNG	TĂNG	103.50	104.09	4.93%		103.90	88.23	4.52%	
POW	15.20	GIẢM	TĂNG		16.73			14.10	13.88	7.80%	
PPC	19.40	TĂNG	TĂNG	18.50	19.38	4.86%		20.10	17.49	-3.48%	
PTB	68.00	TĂNG	TĂNG	62.40	62.75	8.97%		64.00	53.16	6.25%	
PVD	20.35	GIẢM	TĂNG		21.80			16.35	15.73	24.46%	
PVI	33.40	TĂNG	TĂNG	29.90	32.73	11.71%		33.00	29.57	1.21%	
PVS	23.20	GIẢM	TĂNG		24.63			20.90	19.21	11.00%	
PXS	6.35	GIẢM	TĂNG		7.09			6.19	5.57	2.58%	
RAL	101.00	TĂNG	TĂNG	91.00	95.77	10.99%		103.60	86.74	-2.51%	

We Create Fortune

REE	37.00	TĂNG	TĂNG	36.70	35.73	0.82%		36.40	32.54	1.65%	
SAB	223.20	TĂNG	GIẢM	208.00	219.96	7.31%			233.02		
SAM	7.60	GIẢM	TĂNG		7.87			7.75	7.06	-1.94%	
SBV	25.00	TĂNG	GIẢM	26.20	23.86	-4.58%			26.95		
SCR	9.32	GIẢM	GIẢM	9.47	9.34	-1.34%	BÁN		10.30		
SHI	6.54	TĂNG	TĂNG	6.27	6.15	4.31%		6.99	5.88	-6.44%	
SJS	18.50	GIẢM	GIẢM		19.79				21.87		
SKG	23.55	TĂNG	TĂNG	23.70	23.55	-0.63%		23.10	21.13	1.95%	
SSI	32.65	TĂNG	GIẢM	28.47	31.70	14.68%			33.13		
STB	13.55	TĂNG	TĂNG	11.20	13.26	20.98%		13.50	11.16	0.37%	
SVC	44.50	TĂNG	GIẢM	44.90	44.08	-0.89%			47.58		
TCB	29.75	TĂNG	GIẢM	26.60	28.58	11.84%			N/A		
TCM	29.80	TĂNG	TĂNG	17.80	28.11	67.42%		21.60	25.00	37.96%	
TDH	12.45	TĂNG	GIẢM	11.75	11.98	5.96%			12.71		
TLH	7.60	TĂNG	GIẢM	7.49	7.46	1.47%			7.98		
TMT	11.00	TĂNG	TĂNG	9.84	9.92	11.79%		9.29	7.09	18.41%	
TNG	17.10	TĂNG	TĂNG	10.80	16.52	58.33%		12.00	14.39	42.50%	
TYA	10.70	TĂNG	GIẢM	10.70	10.68	0.00%	MUA		11.68		
VCB	61.70	GIẢM	TĂNG		64.18			64.60	55.34	-4.49%	
VFG	35.40	GIẢM	TĂNG		37.11			34.39	32.56	2.93%	
VGC	18.40	GIẢM	GIẢM		19.45				21.13		
VHM	80.00	GIẢM	N/A		85.08						
VIB	28.80	TĂNG	GIẢM	27.90	28.43	3.23%			30.67		
VIC	96.60	GIẢM	TĂNG		101.19			111.50	92.44	-13.36%	
VIP	7.21	TĂNG	GIẢM	7.12	6.93	1.26%			7.29		
VJC	143.00	GIẢM	TĂNG		147.36			156.00	132.31	-8.33%	
VNM	130.90	GIẢM	GIẢM		137.80				139.87		
VPB	25.20	GIẢM	GIẢM		26.73				30.02		
VRC	23.90	TĂNG	TĂNG	17.75	23.62	34.65%		19.35	20.10	23.51%	
VRE	39.30	GIẢM	GIẢM		42.12				43.79		
VSC	44.95	TĂNG	TĂNG	42.90	42.97	4.78%		35.30	36.98	27.34%	
VSH	17.60	TĂNG	TĂNG	17.70	17.26	-0.56%		17.40	16.64	1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	996.19	0.01
VN30	967.37	(0.30)
VN Mid	1,059.08	(0.27)
VN Small	857.36	(0.00)

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	114.30	(0.07)
HN30	210.20	(0.01)
VNX AllSh	1,401.59	(0.30)

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	53.70	0.05

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	285.58	
Bán	409.98	
GT rỗng	(124.40)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	19.24	
Bán	16.65	
GT rỗng	2.59	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	19.46	
Bán	6.04	
GT rỗng	13.42	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVD	850	4.36%
LIX	1750	3.63%
ANV	650	2.89%
THI	1000	2.47%
GAS	2800	2.40%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	2600	5.69%
PVS	500	2.20%
VCS	1500	1.84%
VIX	100	1.15%
TV2	1500	1.05%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
QNS	1600	4.00%
OIL	200	1.23%
NTC	900	1.16%
HVN	300	0.79%
DVN	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	-330	-6.99%
DRL	-3,000	-5.17%
FLC	-310	-5.13%
DLG	-120	-4.58%
HAR	-200	-3.58%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCG	-900	-4.57%
HUT	-100	-1.69%
NDN	-200	-1.27%
SHB	-100	-1.14%
VGC	-200	-1.08%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BSR	-300	-1.57%
POW	-200	-1.29%
ACV	-1000	-1.19%
MPC	-500	-1.00%
LPB	-100	-0.97%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	308,311	
VHM	267,961	
GAS	228,334	
VNM	227,953	
VCB	221,982	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	42,029	
VCS	13,280	
SHB	10,467	
PVS	10,363	
VCG	8,304	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	180,702	
BSR	58,289	
MCH	54,467	
HVN	48,109	
GVR	40,400	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	21.85	7.90
STB	19.46	9.38
HSG	6.80	5.29
DLG	4.53	2.25
HPG	3.71	6.37

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	5.18	9.31
VCG	3.45	1.93
ACB	3.01	3.99
PVS	2.97	6.47
NVB	2.29	1.91

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	4.50	3.55
ART	3.58	#VALUE!
POW	2.14	2.78
LPB	1.31	1.79
QNS	1.22	0.21

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

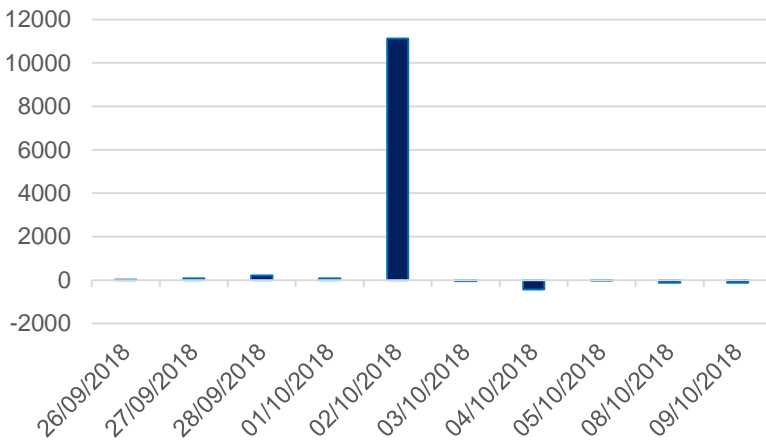
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

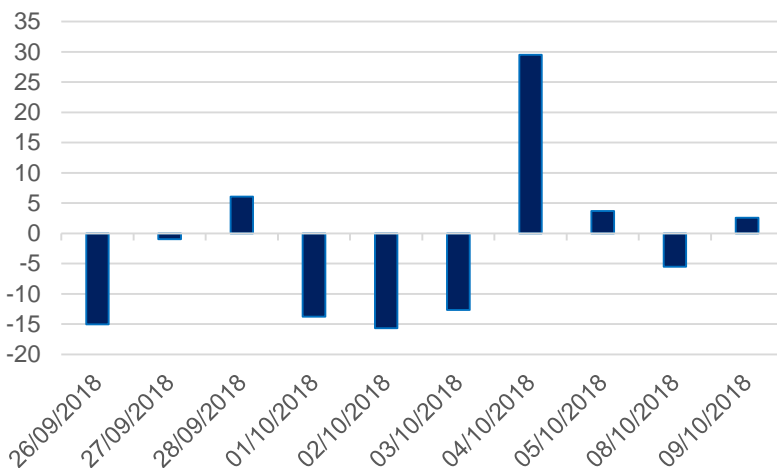
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
GEX	14,198	VNM	(52,420)
KBC	12,329	VIC	(39,936)
MSN	10,564	AAA	(25,275)
SBT	9,667	HPG	(23,430)
BID	7,051	HDB	(6,492)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

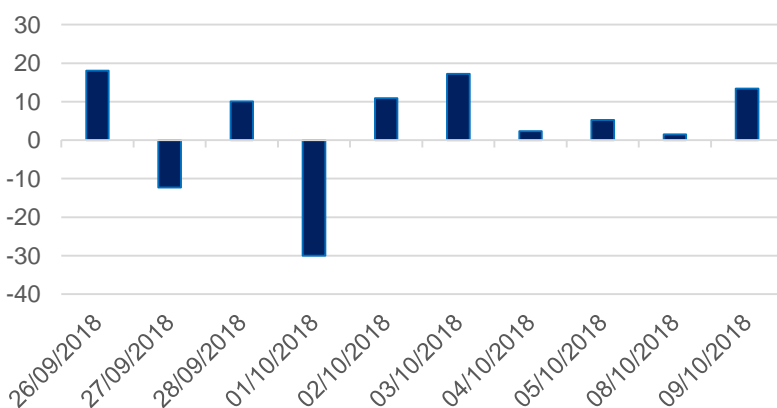
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
PVS	13,775	ACB	(10,279)
VCS	1,191	SHS	(2,360)
CEO	1,173	PVB	(1,119)
SHB	916	VHL	(543)
ART	256	BVS	(355)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
QNS	6,095	POW	(1,055)
BSR	4,171	ACV	(409)
VEA	2,393	CTR	(345)
GEG	971	HEM	(14)
HVN	672	KHA	(8)

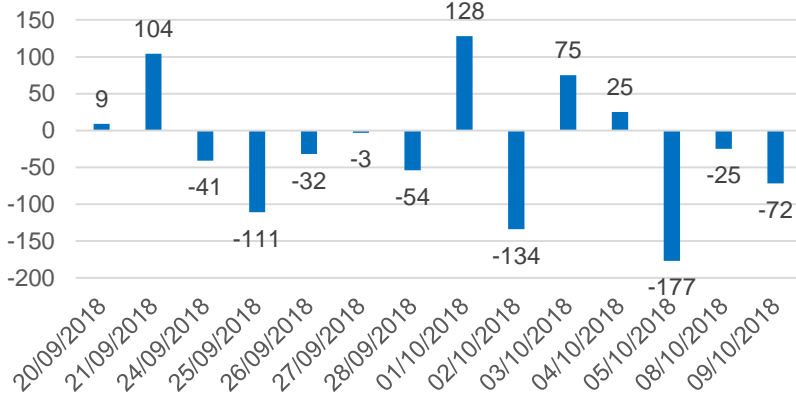
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

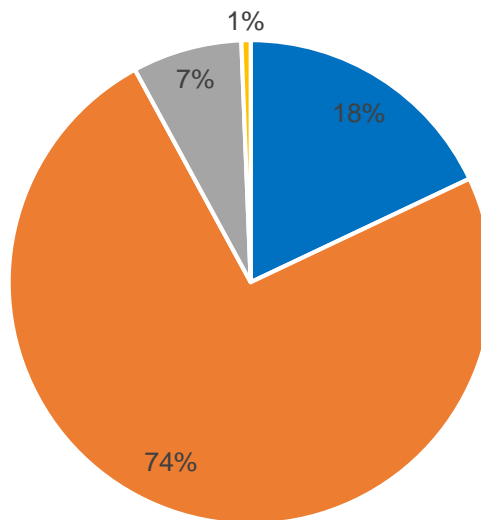


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
NVL	35,538	VIC	44,199
MWG	17,099	NVL	33,352
HPG	14,412	HPG	29,081
HT1	10,225	MBB	25,092
SSI	9,406	E1VFN30	3,537

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



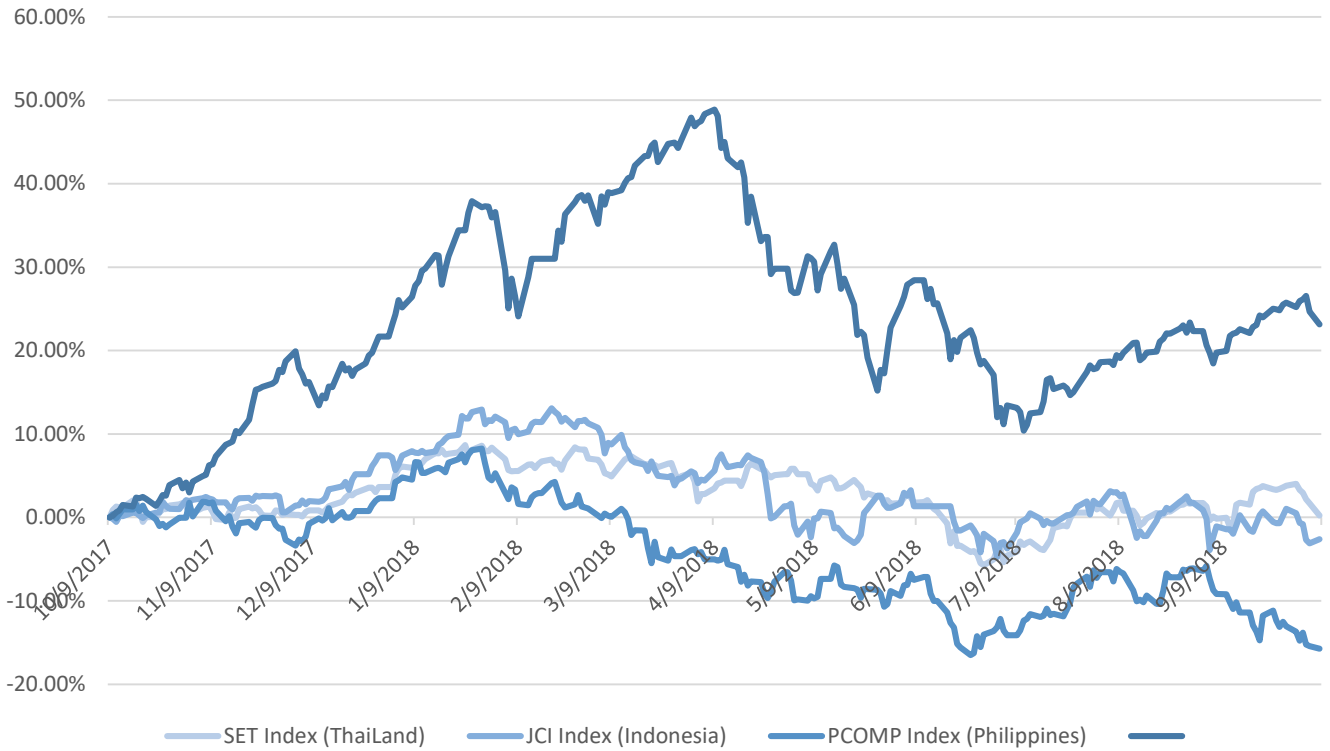
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

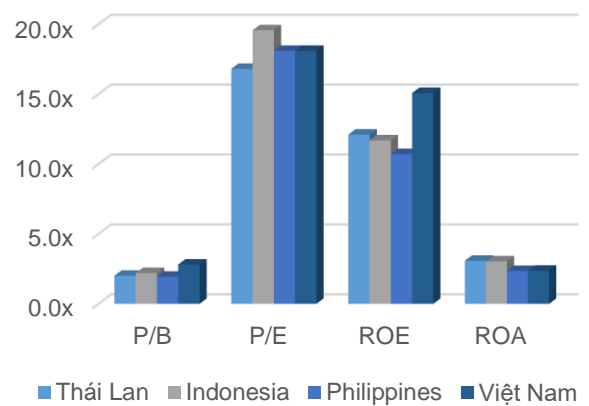
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.8x	19.6x	18.1x	18.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.09
ROA	%	3.09	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	518.61	427.08	163.71	136.88
GTGD	Triệu USD	1.61	0.33	0.06	0.18
LS cổ tức	%	2.97	2.35	1.67	2.03

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



■ Thái Lan ■ Indonesia ■ Philippines ■ Việt Nam



We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written